

CHỈ THỊ

Về công tác Kinh doanh, Tài chính kế toán, Văn hóa doanh nghiệp,
Công nghệ thông tin và Truyền thông năm 2020

Năm 2019, trong bối cảnh cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, việc cung ứng điện ngày càng khó khăn đã tác động đến việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của Tổng công ty (TCT). Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, với sự nỗ lực và cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên, TCT đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) giao.

Thực hiện chỉ thị số 1347/CT-EVN ngày 09/3/2020 của Tổng giám đốc EVN về công tác kinh doanh và dịch vụ khách hàng và thông báo số 62/TB-EVN ngày 02/3/2020 của Tổng Giám đốc EVN kết luận tại hội nghị tổng kết năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020 của TCT (sao gửi kèm theo). Để phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh TCT đề ra chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đối với công tác Kinh doanh, Tài chính kế toán, Công nghệ thông tin, Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp năm 2020, cụ thể như sau:

I. Nhiệm vụ:

- Đảm bảo cung cấp đủ điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, đảm bảo điện cho các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, đặc biệt là Đại hội Đảng bộ các cấp.

- Phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch Kinh doanh và dịch vụ khách hàng, kế hoạch tài chính, lợi nhuận năm 2020 và đặt nền móng cho phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn 2021 ÷ 2025 và các năm tiếp theo.

- Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu trong Kinh doanh và dịch vụ khách hàng được EVN giao cho TCT (có phụ lục kèm theo). TCT sẽ giao kế hoạch cho các đơn vị và tổ chức đánh giá hàng tháng.

- Triển khai nghiêm túc, hiệu quả 14 yêu cầu cụ thể của Tổng Giám đốc EVN trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT trong thông báo số 62/TB-EVN.

- Tăng cường công tác truyền thông việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, của EVN.

- Phấn đấu đảm bảo khả năng tài chính của Công ty mẹ và các đơn vị ở mức an toàn: Hệ số bảo toàn vốn > 1 ; Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu ≤ 3 ; Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn ≥ 1 .

- Xử lý dứt điểm các khoản công nợ tồn đọng, khó đòi; Thanh xử lý 100% vật tư tồn đọng, kém mất phẩm chất; Thực hiện tiến độ thoái vốn theo đúng kế hoạch EVN giao.

- Đảm bảo cân đối đủ chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị và thu xếp đủ vốn cho các dự án đầu tư xây dựng.

- Giải ngân, quyết toán đúng quy định, an toàn, đảm bảo tiến độ và kế hoạch giao.

- Tối ưu hóa dòng tiền: Phấn đấu tỷ lệ bình quân tiền gửi có kỳ hạn và hiệu quả bình quân tiền gửi đạt mức EVN giao.

- Tăng cường nhận thức và quán triệt tư tưởng tuân thủ kỷ luật, kỷ cương, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng.

- Tích cực cải thiện môi trường làm việc ngày càng lành mạnh, tâm lý cán bộ công nhân viên tích cực và gắn kết, tăng cường hợp lực trong nội bộ TCT.

- Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao chất lượng VHDN. Xây dựng và triển khai các tiêu chuẩn VHDN cho cán bộ công nhân viên. Đổi mới phương thức hoạt động, triển khai VHDN đi vào chiều sâu và thực chất nhằm hướng đến mục tiêu EVNNPC trở thành “Doanh nghiệp số có văn hoá mạnh” .

- Tăng cường đào tạo, truyền thông hiệu quả về VHDN để khơi dậy niềm tự hào, lan toả tinh thần đổi mới và các giá trị văn hoá đến mọi cán bộ công nhân viên, tạo ảnh hưởng văn hoá EVNNPC mạnh mẽ đến khách hàng và cộng đồng xã hội.

II. Các giải pháp trọng tâm:

1. Công tác Kinh doanh và dịch vụ khách hàng:

- Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân; Chuẩn bị sẵn sàng các phương án ứng phó với diễn biến bất thường của thời tiết, dịch bệnh, cung cấp điện trong mùa nắng nóng.

- Các đơn vị nghiên cứu kỹ nội dung báo cáo Tổng kết của hội nghị, khẩn trương đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục triệt để các tồn tại, phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao.

- Duy trì việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ tháng cho các đơn vị. Kiên quyết xử lý tình trạng những nhiều, tiêu cực theo đúng quy định của TCT.

- Chủ động xây dựng và nghiêm túc chấp hành phương án điều tiết cung ứng điện theo đúng kế hoạch của TCT, đảm bảo thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tổ chức triển khai thực hiện không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và mức độ hài lòng của khách hàng sử dụng điện.

- Chủ động cung cấp thông tin và phối hợp tốt với các địa phương, các cơ quan thông tấn báo chí, với cộng đồng xã hội để nâng cao hiệu quả truyền thông đến khách hàng sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, chủ động thực hiện thanh toán tiền điện không sử dụng tiền mặt, trải nghiệm dịch vụ công Quốc gia, tăng cường giao dịch với điện lực qua các kênh gián tiếp.

- Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt công tác thu tiền, cắt điện đốc nợ, không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi trừ trường hợp EVN, EVNNPC có chỉ đạo riêng cho từng giai đoạn.

2. Công tác tài chính kế toán:

a. Kế hoạch tài chính:

- Triển khai đánh giá theo bộ chỉ tiêu KPI, các chỉ tiêu về thực hiện chi phí giá thành, chi phí phân phối, lợi nhuận SXKD điện cũng được đưa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể hàng tháng/quý.

- Kiểm soát và xây dựng các biện pháp quản lý chi phí biến động, đặc biệt là chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền nhằm tối ưu hóa chi phí và giảm chi phí phân phối bình quân.

b. Bảo toàn phát triển vốn:

- Kiểm soát công tác mua sắm vật tư thiết bị (VTTB), tránh tình trạng mua sắm VTTB tràn lan. Sử dụng tối đa VTTB thu hồi trong SXKD. Thanh xử lý kịp thời 100% VTTB tồn đọng, kém chất lượng và tài sản không có nhu cầu sử dụng.

- Thường xuyên rà soát công nợ, tích cực thu hồi công nợ quá hạn, không để tồn đọng công nợ khó đòi.

- Phối hợp làm việc với UBND các tỉnh, Bộ Tài chính, EVN để giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác tiếp nhận tài sản lưới điện đầu tư.

c. Các giải pháp đảm bảo hệ số tài chính khả năng thanh toán nợ ngắn hạn >1, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu < 3:

- Đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, tiết kiệm chi phí. Hoàn thành kế hoạch SXKD, ĐTXD được giao.

- Đảm bảo công tác huy động vốn hiệu quả.

- Tập trung thực hiện các dự án đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế cao. Lãnh đạo các đơn vị trực tiếp phân tích số liệu khi lập danh mục đầu tư xây dựng.

- Đẩy nhanh công tác thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình ĐTXD, SCL trong năm.

d. Quản trị tài chính doanh nghiệp:

- Kiểm soát chặt chẽ số dư tài khoản thanh toán, xây dựng kế hoạch sử dụng dòng tiền theo tháng, quý, năm.

- Chỉ đạo và giám sát Người đại diện của TCT tại các đơn vị có vốn góp đôn đốc các Công ty đẩy nhanh công tác quyết toán dự án, xử lý tồn tại về tài chính.

3. Công tác Viễn thông và Công nghệ thông tin:

- Ban VT&CNTT phối hợp với Ban TC&NS dựa trên khung năng lực cán bộ, trình độ, kinh nghiệm EVN đang xây dựng, nghiên cứu xây dựng khung năng lực, trình độ phù hợp với điều kiện quản lý của TCT, trong đó xem xét bổ sung thêm khung văn hóa, tiêu chuẩn về công nghệ thông tin.

- Tổ chức lại đội ngũ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo mỗi cán bộ công nghệ thông tin trong toàn TCT phải đáp ứng được khung năng lực tại vị trí mình đảm nhiệm.

- Từ năm 2020, hệ thống VT&CNTT sẽ được quản lý, theo dõi giám sát như hệ thống điện, thông qua các chỉ tiêu về suất sự cố, thời gian xử lý sự cố. Có giải pháp diễn tập VT&CNTT, chia sẻ kinh nghiệm vận hành, ứng cứu, xử lý sự cố, đề xuất các biện pháp, kế hoạch ĐTXD đảm bảo vận hành an toàn, ổn định.

- Từ năm 2020, bắt đầu quy hoạch lại hệ thống phần mềm ứng dụng của TCT theo hướng tích hợp các phần mềm hiện hữu về 4 hệ thống chính: Kinh doanh điện năng, Quản lý kỹ thuật, Tài chính kế toán, Quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng trực tích hợp của EVNNPC.

4. Công tác Văn hóa doanh nghiệp:

- Người đứng đầu đơn vị phải nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy về lãnh đạo VHDN, khẳng định VHDN là yếu tố rất quan trọng đối với sự phát triển của TCT và phải chịu trách nhiệm về chất lượng VHDN của đơn vị mình, đảm bảo 100% CBCNV phải được trang bị, bồi dưỡng đào tạo về VHDN và đảm bảo việc thực thi phải chuyên nghiệp, nghiêm túc có chất lượng.

- Năm 2020, triển khai chương trình hành trình VHDN với các nội dung tiêu chuẩn hoá về VHDN, đồng thời triển khai đề án khung năng lực của EVN. Xây dựng khung tiêu chuẩn về VHDN cho các nhóm đối tượng cán bộ nhân viên và định kỳ sát hạch các kiến thức về VHDN lồng ghép với các cuộc sát hạch về chuyên môn.

- Nâng cao chất lượng nội dung VHDN gồm các nội dung cốt lõi, quy tắc ứng xử, đồng thời chú trọng các nội dung văn hoá truyền thống, văn hoá tuân thủ, đảm bảo nề nếp, kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống, xem đây là nền tảng xuyên suốt cho chiến lược văn hoá của TCT.

- Việc đào tạo phát triển và bồi dưỡng cho đội ngũ con người EVNNPC cần được thực hiện bài bản, nghiêm túc theo hướng chuyên nghiệp. Thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn và lồng ghép đào tạo với các chương trình chuyên môn nghiệp vụ.

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả chương trình chuyển đổi số. Việc chuyển đổi số cần gắn liền với các hoạt động chuẩn hoá năng lực chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn hoá VHDN và chuẩn hoá CNTT.

5. Công tác Truyền thông

- Các đơn vị thành viên xây dựng kế hoạch tuyên truyền năm 2020 với những hoạt động cụ thể, gắn với định lượng hóa sản phẩm truyền thông phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị. Công tác truyền thông phải là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động SXKD của mỗi đơn vị, là trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Đoàn thể và của mỗi CBCNV trong toàn TCT.

- Các hoạt động truyền thông phải bao trùm các mặt hoạt động của TCT và của các đơn vị đảm bảo CBCNV, Khách hàng và cộng đồng xã hội tiếp cận đúng với những thông tin về chủ trương, định hướng của TCT theo phương châm “Minh bạch – Chủ động – Kịp thời – Thân thiện”.

- Chủ động bám sát các nhiệm vụ, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của TCT và đơn vị, kịp thời truyền thông trên các phương tiện thông tin để hỗ trợ khách hàng hiểu và đồng thuận với những khó khăn thách thức của ngành điện.

- Đẩy mạnh truyền thông nội bộ, văn hóa doanh nghiệp; phát huy sức mạnh đoàn kết, thống nhất và hạn chế tối đa các thông tin sai lệch lan truyền trong nội bộ đơn vị hay ra ngoài. Cung cấp thông tin nhanh chóng kịp thời đến toàn thể CBCNV, người lao động của TCT/đơn vị, tạo sự thống nhất trong nhận thức và phát huy trí tuệ tập thể trong việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chung.

- Yêu cầu người đứng đầu các đơn vị định kỳ báo cáo các cấp ủy Đảng, HĐND, UBND; trực tiếp báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh/thành phố trước các kỳ họp Quốc hội về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và giải quyết các kiến nghị của cử tri trên địa bàn đơn vị quản lý, tạo sự hiểu biết, chia sẻ và đồng thuận với các hoạt động của TCT và đơn vị.

- Tăng cường phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội tại địa phương, tổ chức tiếp xúc, trao đổi chia sẻ thông tin với nhân dân và các đối tượng khách hàng dùng điện nhằm nắm bắt, điều chỉnh, khắc phục kịp thời những vấn đề gây bức xúc liên quan đến các hoạt động Điện lực.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh, duy trì mối quan hệ hợp tác bền vững với các cơ quan quản lý báo chí và các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương, địa phương để cung cấp thông tin kịp thời, chuẩn xác, tuyên truyền về các hoạt động ĐTXD và SXKD của TCT/Đơn vị.

- Định kỳ 6 tháng một lần tổ chức họp báo và gặp mặt các phóng viên theo dõi ngành để cung cấp thông tin, trao đổi về các mặt hoạt động của TCT và đơn vị. Thông cáo báo chí tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của TCT/đơn vị được phát hành đến các cơ quan thông tấn báo chí trung ương, địa phương để được hỗ trợ truyền thông và đăng tải trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm truyền thông nội bộ.

- Chủ động tiếp nhận, trao đổi, giải thích và làm rõ các vấn đề mà báo chí đăng tải có liên quan đến TCT/đơn vị, kịp thời cung cấp thông tin phản hồi, trả lời, giải quyết các tồn tại mà báo chí nêu...

- Các đơn vị thành viên chủ động tự tổ chức đào tạo, bồi huấn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức chuyên môn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác truyền thông. Tập huấn kiến thức quan hệ báo chí, quản trị và xử lý khủng hoảng truyền thông, Quy chế người phát ngôn cho lãnh đạo chủ chốt của đơn vị.

- Các đơn vị bám sát nội dung, chủ đề truyền thông hàng tháng của Tập đoàn và Tổng công ty để tổ chức thực hiện truyền thông đạt hiệu quả, đảm bảo đủ số lượng tin, bài, phóng sự tích cực đăng tải trên trang tin điện tử của Tổng công ty và các báo giấy, báo điện tử, phát thanh, truyền hình.

Căn cứ các nội dung trong Chỉ thị này, Tổng giám đốc yêu cầu Trưởng các Ban chức năng của TCT, Chủ tịch/Giám đốc các đơn vị tổ chức phổ biến, quán triệt mục

tiêu, nhiệm vụ năm 2020 tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và khẩn trương chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện của đơn vị phân đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020./.

Nơi nhận:

- CTHĐTƯ;
- Ban Tổng Giám đốc;
- KSVCT;
- Công đoàn EVNNPC;
- Các đơn vị thành viên EVNNPC;
- Các Ban, Văn phòng EVNNPC;
- Lưu VT, KD+TCKT+TC&SN+VT&CNTT+TT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Nguyệt Ánh

Phụ lục
CHỈ TIÊU CỤ THỂ KINH DOANH DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG NĂM 2020
(kèm theo Chỉ thị số: /CT-EVNNPC ngày /03/2020)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu chi tiết	Ghi chú/Chế độ báo cáo
1	Độ tin cậy cung cấp điện	Đã giao chỉ tiêu cụ thể cho các Công ty Điện lực trong QĐ giao kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2020	- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực của các Đơn vị hàng tháng. - Chỉ tiêu sẽ xét theo năm
2	Tổn thất điện năng		
3	Chỉ số tiếp cận điện năng		
4	Tỷ lệ khách hàng giao dịch 12 dịch vụ cung cấp điện qua TT CSKH và các Trung tâm/Cổng Dịch vụ công.		
5	Tỷ lệ khách hàng giao dịch qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia		
6	Tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ cung cấp điện trực tuyến cấp độ 4		
7	Điện tử hóa toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ điện		
8	Tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ cung cấp điện qua môi trường mạng email/ App/Zalo/Viber... của TCT		
9	Thanh toán không dùng tiền mặt		
10	Công suất lắp đặt điện mặt trời áp mái của khách hàng.	- Kế hoạch: 50 MWp - Phân đấu: 70 MWp (chi tiết giao cho các CTĐL theo phục lục đính kèm)	

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu chi tiết	Ghi chú/Chế độ báo cáo
11	Chương trình điều chỉnh phụ tải theo kế hoạch (DR)	Tổng công suất tiết giảm ≥ 1.275 MW (<i>chi tiết giao cho các CTĐL theo phục lục đính kèm</i>)	(báo cáo theo tháng có thực hiện DR)
12	Số lượng khách hàng chưa được giải quyết yêu cầu đúng thời gian cam kết	Giảm 50% so với 2019	- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực của các Đơn vị hàng tháng. - Chỉ tiêu sẽ xét theo năm
13	Ứng dụng GIS bỏ khảo sát cấp điện hiện trường	Tổng công ty triển khai thí điểm lưới điện trung hoặc hạ áp tại Bắc Ninh.	Hoàn thành trước 30/9/2020
14	Tỷ lệ khảo sát cấp điện hiện trường sử dụng 100% thiết bị điện tử tích hợp với phần mềm.	100%	Hoàn thành trước 30/4/2020
15	Bồi dưỡng nguồn nhân lực	100% CBNV làm công tác KD&DVKH được đào tạo và hoàn thành kiểm tra nghiệp vụ KD& DVKH qua E-learning, hoặc qua môi trường mạng.	- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực của các Đơn vị hàng tháng. - Chỉ tiêu sẽ xét theo năm
16	Chuẩn xác thông tin khách hàng	100% khách hàng thay công tơ định kỳ và khách hàng phát sinh/thay đổi HĐMBĐ được chuẩn xác đúng và đủ 3 thông tin chính: Tên chủ thẻ HĐMBĐ; địa chỉ sử dụng điện và thông tin liên hệ (số điện thoại/email/Zalo/Viber...)	- Hoàn thành trước 31/12/2020. - Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo quý.
		100% khách hàng ngoài sinh hoạt đúng và đủ 3 thông tin chính: Tên chủ thẻ HĐMBĐ; địa chỉ sử dụng điện và thông tin liên hệ (số điện thoại/email/Zalo/Viber...)	- Chỉ tiêu đánh giá chấm điểm cộng/trừ khen thưởng
17	Tỷ lệ số liệu báo cáo chính xác và đúng thời gian trên chương trình BI	100%	Tổng hợp trên hệ thống CMIS, CRM

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu chi tiết	Ghi chú/Chế độ báo cáo
18	Tỷ lệ số liệu báo cáo chính xác, đúng thời gian qui định trên kho dữ liệu đo đếm	100%	- Ngày 1 tháng sau, tạm chốt số liệu trên phần mềm giao nhận điện năng; - Trước ngày 5 tháng sau chuẩn xác số liệu trên phần mềm giao nhận.
19	Tỷ lệ số liệu báo cáo chính xác đúng thời gian qui định trên chương trình CMIS	100%	- Ngày 1 tháng sau, tạm chốt số liệu báo cáo kinh doanh CMIS; - Trước ngày 5 tháng sau, ký số đầy đủ các biểu báo cáo kinh doanh trên CMIS.
20	Mức độ hài lòng khách hàng sử dụng điện	Đã giao chỉ tiêu cụ thể cho các Công ty Điện lực trong QĐ giao kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2020	Đánh giá, xét chỉ tiêu theo năm

Ghi chú: 1. Các chỉ tiêu từ 1-15 được xếp thứ tự để xét khen thưởng;

2. Chỉ tiêu 16-20 và chỉ tiêu phần đầu là điểm cộng/trừ thêm cho các đơn vị trước khi tổng hợp thành điểm xếp thứ tự khen thưởng

Kế hoạch giao chương trình điều chỉnh phụ tải và công suất lắp đặt điện mặt trời áp mái của khách hàng năm 2020

TT	Tên CTĐL	Điện mặt trời áp mái của KH		Chương trình điều chỉnh phụ tải						
		KH giao năm 2020 (kWp)	KH phân đấu năm 2020 (kWp)	Tổng tiềm năng tiết giảm	Tháng 4/2020	Tháng 5/2020	Tháng 6/2020	Tháng 7/2020	Tháng 8/2020	Tổng công suất tiết giảm
1	Nam Định	2.315	3.241	32,73	13,45	15,52	10,34	2,07	2,59	43,97
2	Phú Thọ	2.315	3.241	50,11	16,10	21,58	12,38	2,48	3,10	55,64
3	Quảng Ninh	1.852	2.593	42,39	20,47	24,77	16,00	3,30	4,13	68,68
4	Thái Nguyên	1.852	2.593	104,15	34,00	35,45	18,30	3,66	6,70	98,11
5	Bắc Giang	2.778	3.889	36,78	19,46	22,45	12,97	2,99	3,74	61,62
6	Thanh Hóa	2.778	3.889	75,78	20,84	30,05	16,03	3,21	4,01	74,13
7	Thái Bình	1.852	2.593	100,27	30,55	40,50	22,96	2,39	5,64	102,04
8	Yên Bái	926	1.296	23,10	10,32	11,90	7,94	1,59	1,98	33,73
9	Lạng Sơn	1.852	2.593	10,89	4,23	8,34	3,56	1,11	1,39	18,63
10	Tuyên Quang	2.776	3.887	20,71	9,86	11,37	7,58	1,52	1,90	32,23
11	Nghệ An	2.776	3.887	42,08	15,87	18,32	12,21	2,44	3,05	51,90
12	Cao Bằng	463	648	3,45	1,70	1,80	1,20	0,64	0,30	5,64
13	Sơn La	1.389	1.944	2,40	1,00	1,20	0,80	0,30	0,30	3,60
14	Hà Tĩnh	2.778	3.889	6,89	3,02	3,02	2,80	0,96	1,20	11,00
15	Hoà Bình	926	1.296	8,83	4,00	4,47	5,80	1,40	0,70	16,37
16	Lào Cai	1.852	2.593	74,78	17,37	20,04	15,36	3,67	3,34	59,77
17	Điện Biên	2.778	3.889	1,31	0,50	0,60	0,40	0,20	0,20	1,90
18	Hà Giang	926	1.296	3,73	1,40	1,80	1,30	0,30	0,50	5,30
19	Bắc Ninh	1.852	2.593	40,11	25,00	30,28	23,04	4,13	5,76	88,21

20	Hưng Yên	2.778	3.889	77,86	30,44	29,74	16,10	5,30	4,12	85,70
21	Hà Nam	1.852	2.593	49,97	19,84	22,89	15,26	3,05	3,81	64,85
22	Vĩnh Phúc	1.852	2.593	23,63	13,55	12,00	13,50	2,70	3,37	45,12
23	Bắc Kạn	463	648	1,96	0,80	1,00	0,70	0,30	0,30	3,10
24	Lai Châu	463	648	0,00						-
25	Hải Phòng	1.852	2.593	67,73	25,62	29,57	22,71	3,94	4,93	86,77
26	Hải Dương	1.852	2.593	93,52	34,38	33,00	25,52	3,90	4,88	101,69
27	Ninh Bình	1.852	2.593	45,94	16,24	18,34	15,23	2,45	3,06	55,31
Tổng cộng		50.000	70.000	1.041	390,00	450,00	300,00	60,00	75,00	1.275,0